

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gỗ Đàng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên
Ông Đỗ Thiệu Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên
Bà Trương Thị Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Đạo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 31 tháng 7 năm 2012



Số: 81/DFK - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gỗ Đàng ("Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính của giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2012, từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2012



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		519.766.262.531	501.728.560.778
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	5.962.088.959	29.753.096.347
1. Tiền	111		5.962.088.959	4.903.096.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	24.850.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	202.907.458.236	204.154.565.033
1. Phải thu khách hàng	131		97.946.850.186	80.506.523.807
2. Trả trước cho người bán	132		70.355.015.770	56.831.864.669
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		36.281.584.749	68.492.169.026
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.675.992.469)	(1.675.992.469)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	301.328.769.996	259.347.350.920
1. Hàng tồn kho	141		301.328.769.996	259.347.350.920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		9.567.945.340	8.473.548.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1.646.523.986	2.438.153.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.323.653.051	4.589.159.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.597.768.303	1.446.235.754
B. Tài sản dài hạn	200		195.940.695.455	178.690.835.851
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		68.689.189.591	57.050.975.221
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	22.818.267.311	23.288.239.602
- Nguyên giá	222		52.069.104.453	50.166.863.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.250.837.142)	(26.878.623.537)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	36.589.981.927	28.210.410.597
- Nguyên giá	228		39.398.178.180	30.183.703.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.808.196.253)	(1.973.292.583)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	9.280.940.353	5.552.325.022
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		124.252.150.767	118.540.681.556
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	124.252.150.767	118.540.681.556
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.999.355.097	3.099.179.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.999.355.097	3.099.179.074
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		715.706.957.986	680.419.396.629

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		431.007.540.866	428.386.232.414
I. Nợ ngắn hạn	310		431.007.540.866	428.386.232.414
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	335.363.451.973	328.622.484.864
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	78.690.046.840	83.975.249.502
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.377.580.801	1.301.320.479
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	3.709.233.333	1.531.326.319
5. Phải trả công nhân viên	315		3.413.145.237	2.720.279.206
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.551.293.103	2.265.659.236
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	4.020.206.993	7.796.232.278
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.882.582.586	173.680.530
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		284.699.417.120	252.033.164.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	284.699.417.120	252.033.164.215
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.999.300.000	119.999.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.306.910.000	7.306.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.395.418.625	6.855.356.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		143.997.788.495	117.871.597.896
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		715.706.957.986	680.419.396.629
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/6/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD		195.279,91	136.916,30
	EUR		2.791,05	2.377,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-


NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 7 năm 2012




NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		430.550.288.633	428.184.661.926
2. Các khoản giảm trừ	02		17.154.327.784	7.246.502.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	413.395.960.849	420.938.159.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	317.289.892.652	332.822.433.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.106.068.197	88.115.726.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	19.351.049.762	34.052.040.187
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10.446.254.888	9.876.174.535
- Trong đó: lãi vay	23		10.347.532.251	8.862.739.358
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	32.976.311.133	35.446.425.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	15.219.293.828	13.735.659.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.815.258.110	63.109.507.220
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2.327.154.304	988.966.755
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.183.018.161	2.160.651.810
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		144.136.143	(1.171.685.055)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.959.394.253	61.937.822.165
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.293.211.348	2.553.448.048
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.666.182.905	59.384.374.117
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.556	7.423



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 7 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	56.959.394.253	61.937.822.165
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.515.248.091	2.699.189.098
Các khoản dự phòng	03	-	181.304.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.442.521.103)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(17.542.912.284)	(30.052.500.000)
Chi phí lãi vay	06	10.347.532.251	8.862.739.358
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	53.279.262.311	42.186.033.518
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(638.919.349)	(58.453.048.614)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(41.981.419.076)	(55.324.618.873)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(8.121.772.061)	31.745.988.047
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	891.453.261	(326.061.913)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.347.532.251)	(7.790.511.825)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.291.097.944)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.210.025.109)	(47.962.219.660)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(15.615.658.720)	(2.579.553.895)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	553.105.350	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.711.469.211)	(17.107.321.183)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.452.003.193	52.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.322.019.388)	(19.634.375.078)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	561.161.596.794	553.994.788.716
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(554.420.629.685)	(481.122.600.133)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(11.999.930.000)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.258.962.891)	64.872.188.583
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.791.007.388)	(2.724.406.155)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.753.096.347	5.826.016.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.962.088.959	3.101.610.116


NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 7 năm 2012




NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1200575021 ngày 11/5/2007 và thay đổi đến lần thứ 1 ngày 03/6/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản;
- Thu mua thủy sản;
- Đầu tư tài chính.

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

3. Danh sách các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	Phường Cổ Giang - quận 1 - Tp. HCM	Thương mại và dịch vụ	99%	100%
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99,8%	100%
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99%	100%
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thít – Vĩnh Long	Sản xuất và chế biến	100%	100%
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Thương mại và sản xuất	100%	100%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa	05 - 07
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị quản lý	07
Phương tiện vận chuyển	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng và công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17% và 7% từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên. Kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 2% trên lương cơ bản.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng (giảm) do phát hành cổ phiếu cao (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng (giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	30/6/2012	01/01/2012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.066.979.219	745.792.023
Tiền gửi ngân hàng	4.895.109.740	4.157.304.324
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng	-	24.850.000.000
Cộng	5.962.088.959	29.753.096.347
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng	97.946.850.186	80.506.523.807
Trả trước cho người bán	70.355.015.770	56.831.864.669
Phải thu khác	2.1 36.281.584.749	68.492.169.026
Cộng	204.583.450.705	205.830.557.502
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.675.992.469)	(1.675.992.469)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	202.907.458.236	204.154.565.033
(2.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:		
Phải thu tiền cho mượn đến các công ty con	27.407.340.439	44.683.046.060
Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	-	9.664.650.000
Phải thu tiền hoàn thuế	3.240.421.743	2.684.205.624
Phải thu khác liên quan đến mua sắm tài sản cố định	3.530.000.000	9.114.225.000
Phải thu khác	2.103.822.567	2.346.042.342
Cộng	36.281.584.749	68.492.169.026
3. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	20.637.424.084	45.798.066.439
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.305.677.299	5.309.896.601
Sản phẩm dở dang (chi phí nuôi cá tại vùng nuôi)	185.578.032.385	123.267.819.619
Thành phẩm tồn kho	83.570.428.231	77.899.862.510
Hàng hóa tồn kho	26.001	778.945.871
Hàng gửi đi bán	4.237.181.996	6.292.759.880
Cộng	301.328.769.996	259.347.350.920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	301.328.769.996	259.347.350.920

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

4. Chi phí trả trước ngắn hạn	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Tại ngày 01/01	2.438.153.270	1.953.653.799
Phát sinh trong kỳ	2.469.591.212	3.182.059.212
Kết chuyển chi phí	(3.261.220.496)	(2.245.885.444)
Các khoản giảm khác	-	-
Tại ngày 30/6	1.646.523.986	2.889.827.567

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2012	01/01/2012
Tạm ứng nhân viên	1.502.317.903	1.350.785.354
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.450.400	95.450.400
Cộng	1.597.768.303	1.446.235.754

6. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	20.547.144	23.803.443	2.399.649	618.093	2.798.534	50.166.863
Tăng	580.302	7.552.996	2.101.521	66.200	595.211	10.896.230
- Mua sắm mới	580.302	179.948	1.250.907	66.200	595.211	2.672.568
- Phân loại lại	-	7.373.047	850.614	-	-	8.223.661
Giảm	(8.406.403)	-	-	(334.003)	(253.582)	(8.993.988)
- Thanh lý	(770.327)	-	-	-	-	(770.327)
- Phân loại lại	(7.636.076)	-	-	(334.003)	(253.582)	(8.223.661)
Tại ngày 30/6/2012	12.721.043	31.356.439	4.501.170	350.290	3.140.163	52.069.104
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012	12.315.507	12.259.553	440.880	350.769	1.511.913	26.878.624
Tăng	687.770	6.329.865	1.006.648	35.401	253.567	8.313.252
- Trích khấu hao	687.770	1.455.684	247.922	35.401	253.567	2.680.344
- Phân loại lại	-	4.874.181	758.726	-	-	5.632.907
Giảm	(5.216.517)	-	-	(260.469)	(464.053)	(5.941.038)
- Thanh lý	(308.131)	-	-	-	-	(308.131)
- Phân loại lại	(4.908.386)	-	-	(260.469)	(464.053)	(5.632.908)
Tại ngày 30/6/2012	7.786.759	18.589.419	1.447.529	125.702	1.301.428	29.250.837
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	8.231.637	11.543.890	1.958.769	267.324	1.286.621	23.288.240
Tại ngày 30/6/2012	4.934.284	12.767.020	3.053.641	224.588	1.838.735	22.818.268

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2012	29.550.616.870	633.086.310	30.183.703.180
Tăng	9.214.475.000	-	9.214.475.000
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	38.765.091.870	633.086.310	39.398.178.180
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2012	1.874.251.494	99.041.089	1.973.292.583
Tăng	773.537.545	61.366.125	834.903.670
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	2.647.789.039	160.407.214	2.808.196.253
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	27.676.365.376	534.045.221	28.210.410.597
Tại ngày 30/6/2012	36.117.302.831	472.679.096	36.589.981.927

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2012	01/01/2012
Các công trình xây dựng khu nuôi cá	5.383.243.305	2.656.861.060
Mua sắm tài sản cố định	1.213.898.452	1.466.471.179
Công trình xây dựng tại cồn Nhỏ	817.557.430	541.101.932
Công trình xây dựng vùng nuôi Thành Long	33.539.644	179.189.539
Các công trình khác	1.832.701.522	708.701.312
Cộng	9.280.940.353	5.552.325.022

9. Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	Tỷ lệ biểu quyết		Vốn đã góp	
			Trực tiếp	Gián tiếp	30/6/2012	01/01/2012
Công ty TNHH TM Gỗ Đàng	3.800.000.000	30/10/1998	99,0%	1%	3.059.324.057	3.059.324.057
Công ty TNHH XNK TS An Phát	50.000.000.000	25/05/2006	99,8%	0,2%	49.900.000.000	49.900.000.000
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.000.000.000	04/10/2005	99,0%	1%	599.000.000	599.000.000
Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Vĩnh Long	40.000.000.000	28/05/2008	100%	0%	30.069.297.102	30.069.297.102
Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Bến Tre	81.000.000.000	23/03/2010	100%	0%	40.624.529.608	34.913.060.397
Cộng					124.252.150.767	118.540.681.556

Cho thời kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2012, Công ty đã nhận được khoản cổ tức được chia từ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát là 15.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

10. Chi phí trả trước dài hạn	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Tại ngày 01/01	3.099.179.074	4.267.125.675
Phát sinh trong kỳ	440.000.000	-
Kết chuyển chi phí	(539.823.977)	(610.111.855)
Các khoản giảm khác	-	-
Tại ngày 30/6	10.1 2.999.355.097	3.657.013.820

(10.1) Trong đó, bao gồm trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50.000.00 USD.

11. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn - VND	15.247.967.790	17.300.248.180
Vay ngắn hạn - USD	251.731.581.880	188.938.702.640
Vay ngắn hạn - HKD	-	68.054.258.400
Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	68.383.902.303	54.329.275.644
Cộng	335.363.451.973	328.622.484.864

Chi tiết các khoản vay theo từng ngân hàng tại ngày 30/6/2012

Tên ngân hàng		Nguyên tệ			Quy ra VND
		USD	EUR	VND	
Eximbank - CN Hòa Bình	11.1	3.240.295	36.401	-	68.438.346.695
Sacombank - CN Tiền Giang	11.2	2.078.000	-	-	43.280.584.000
HSBC (Việt Nam)	11.3	4.944.186	-	-	102.977.506.008
Vietcom bank - CN Tiền Giang	11.4	687.000	-	-	14.308.836.000
Ngân hàng Á Châu	11.5	1.073.000	-	-	22.348.444.000
Teckcombank - Chi nhánh HCM	11.6	489.410	-	3.900.000.000	14.093.431.480
Ngân hàng ANZ (Việt Nam)	11.7	2.812.000	-	-	58.568.336.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	11.8	-	-	8.487.267.790	8.487.267.790
Ông Lê Sơn Tùng	11.8	-	-	2.860.700.000	2.860.700.000
Cộng		15.323.891	36.401	15.247.967.790	335.363.451.973

(11.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1007LAV201101080 ngày 19/8/2011; hạn mức vay: 50 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 30/6/2012 là 902.800 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nguồn thu từ việc xuất khẩu, thành phẩm và hàng hoá của Công ty;
- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 30/6/2012 là 2.337.495 USD và 36.401 EUR.

(11.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng số LD1033600041 ngày 02/12/2010 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số LD1203400334 ngày 03/02/2012; hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD hoặc VNĐ tương đương. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Sacombank được quy định chi tiết tại phụ lục tài sản đảm bảo đính kèm theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung số LD1203400334 ngày 03/02/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

11. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(11.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH 1 thành viên HSBC Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT090928 ngày 24/4/2012 với tổng hạn mức tín dụng: 5.800.000 USD hoặc tương đương VNĐ hay HKD; lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng 2%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty số VNM CDT 090928/MR với trị giá 62.000.000.000 VNĐ;
- Hợp đồng thế hàng hoá trong kho của Công ty trị giá 21.000.000.000 VNĐ và quyền thụ hưởng trong các hợp đồng bảo hiểm từ Công ty bảo hiểm Bảo Việt.
- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị của Công ty và quyền sử dụng đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại huyện Trung An, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với giá trị tối thiểu là 30.371.410.466 VNĐ.

(11.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0164/TD2/11LD ngày 05/8/2011. Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(11.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số TIG.DN.0415.0212 ngày 14/3/2012. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD và 10.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức là 60 tháng; lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. 7,5%/năm và hợp đồng tín dụng số H003/3 ngày 29/12/2011; số tiền vay 290.000 USD; 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản số TIG.BĐDN.01080411 ngày 18/4/2012, số TIG.BĐDN.01150212 ngày 14/3/2012 và số 222201 ngày 15/3/2012.

(11.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng số 62/11K/HĐHMTD/TCB-HCM ngày 01/12/2011; hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gỗ Đàng.

(11.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng ngày 22/3/2012; hạn mức tín dụng: 4.000.000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số MA1.22.03.2012 ngày 24/4/2012.

(11.8) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc và Ông Lê Sơn Tùng** với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/6/2012	01/01/2012
Phải trả người bán	78.690.046.840	83.975.249.502
Người mua trả tiền trước	1.377.580.801	1.301.320.479
Cộng	80.067.627.641	85.276.569.981

13. Thuế và các khoản phải nộp	30/6/2012	01/01/2012
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	2.009.898	61.960.394
Thuế TNDN phải nộp	3.691.548.660	1.398.337.312
Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp	15.674.775	71.028.613
Cộng	3.709.233.333	1.531.326.319

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

14. Chi phí phải trả	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí cước tàu phải trả	1.744.797.000	1.919.871.200
Chi phí phải trả khác	806.496.103	345.788.036
Cộng	2.551.293.103	2.265.659.236

15. Phải trả khác	30/6/2012	01/01/2012
BHXX, BHYT, BHTN	27.155.097	6.830.310
Tiền mượn từ các cá nhân và tổ chức	130.902.000	3.468.205.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.620.000.000	3.470.000.000
Các khoản phải trả khác	242.149.896	851.196.018
Cộng	4.020.206.993	7.796.232.278

16. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 119.999.300.000 đồng, được chia thành 11.999.930 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ đông	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	750.000	7.500.000.000	2.601.240	26.012.400.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	750.000	7.500.000.000	2.451.240	24.512.400.000
Lê Sơn Tùng	900.000	9.000.000.000	1.512.151	15.121.510.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sảnh sứ Thủy tinh Việt Nam	-	-	2.422.013	24.220.130.000
Lê Thị Liêm	-	-	1.201.631	12.016.310.000
Cổ đông khác	9.599.930	95.999.300.000	1.811.655	18.116.550.000
Cộng	11.999.930	119.999.300.000	11.999.930	119.999.300.000

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 30/6/2012
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	119.999.300.000	-	-	119.999.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.306.910.000	-	-	7.306.910.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	6.855.356.319	6.540.062.306	-	13.395.418.625
Lợi nhuận chưa phân phối	117.871.597.896	54.666.182.905	(28.539.992.306)	143.997.788.495
Cộng	252.033.164.215	61.206.245.211	(28.539.992.306)	284.699.417.120

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

Chi tiết các khoản phân phối lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.540.062.306	2.126.988.640
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000.000	6.380.965.919
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	11.999.930.000	8.000.000.000
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	-	15.999.660.000
Cộng	28.539.992.306	32.507.614.559

b - Cổ phiếu	30/6/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.930	11.999.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.930	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	11.999.930
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.930	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	11.999.930

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	338.254.233.531	342.236.318.321
Doanh thu bán hàng - Trong nước	92.296.055.102	83.070.650.752
Doanh thu khác	-	2.877.692.853
Cộng	430.550.288.633	428.184.661.926
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(426.900.685)	-
Hàng bán bị trả lại	(16.727.427.099)	(7.246.502.050)
Cộng doanh thu thuần	413.395.960.849	420.938.159.876
2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Giá vốn hàng bán	317.289.892.652	332.822.433.723

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lãi tiền gửi, cho vay	2.452.003.193	1.002.661.808
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.899.046.569	2.996.878.379
Cổ tức được chia	15.000.000.000	30.052.500.000
Cộng	19.351.049.762	34.052.040.187
 4. Chi phí hoạt động tài chính	 6 tháng đầu năm 2012	 6 tháng đầu năm 2011
Chi phí lãi vay	10.347.532.251	8.862.739.358
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	181.304.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	98.722.637	794.606.701
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	37.524.476
Cộng	10.446.254.888	9.876.174.535
 5. Chi phí bán hàng	 6 tháng đầu năm 2012	 6 tháng đầu năm 2011
Chi phí vật liệu, bao bì	19.864.382.220	18.472.976.769
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	10.323.320.403	14.219.627.483
Chi hoa hồng môi giới	2.230.489.443	2.203.498.600
Chi phí bằng tiền khác	558.119.067	550.322.663
Cộng	32.976.311.133	35.446.425.515
 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	 6 tháng đầu năm 2012	 6 tháng đầu năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	3.656.494.710	2.767.180.524
Chi phí công cụ dụng cụ	422.227.893	570.687.096
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.983.858	133.630.609
Chi phí thuê kho	7.200.000.000	8.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.672.030.867	754.896.598
Chi phí bằng tiền khác	921.556.500	1.509.264.243
Cộng	15.219.293.828	13.735.659.070

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

7. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	553.105.350	-
Thu nhập từ bán phế liệu	1.598.344.776	885.599.559
Các khoản thu nhập khác	175.704.178	103.367.196
Cộng	2.327.154.304	988.966.755
8. Chi phí khác	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán	462.196.259	-
Các khoản chi phí khác	1.720.821.902	2.160.651.810
Cộng	2.183.018.161	2.160.651.810
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.959.394.253	61.937.822.165
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(15.000.000.000)	(30.052.500.000)
Các khoản không được khấu trừ	1.720.821.902	2.160.651.810
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	43.680.216.155	34.045.973.975
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Thuế TNDN hiện hành	6.552.032.423	5.106.896.096
Thuế TNDN được miễn/giảm theo giấy phép đầu tư	(3.276.016.212)	(2.553.448.048)
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 60/2012	(982.804.863)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.293.211.348	2.553.448.048
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.666.182.905	59.384.374.117
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.666.182.905	59.384.374.117
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	11.999.930	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.556	7.423

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí nguyên vật liệu	179.111.398.465	299.394.334.293
Chi phí nhân công	15.523.142.659	10.265.280.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.515.248.091	2.700.357.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.363.827.243	106.566.559.798
Chi phí bằng tiền khác	1.479.675.567	2.059.586.906
Cộng	328.993.292.025	420.986.118.543

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Doanh thu			-
Bán hàng - Cty TNHH TM Gò Đăng	Công ty con	22.521.763.720	24.639.888.975
Lãi cho vay - Cty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	Công ty con	936.968.022	952.048.855
Lãi cho vay - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	-	532.120.950
Cổ tức - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	15.000.000.000	20.000.000.000
Bán tài sản - Cty XNK Thủy sản An Phát	Công ty con	462.196.259	-
Mua hàng, gia công, lưu kho			
Công ty TNHH TM Gò Đăng	Công ty con		-
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	Công ty con	9.628.540.000	9.834.324.000
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	29.704.199.000	88.004.675.825
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Công ty con	-	5.354.625.055
Thanh toán lãi vay			
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc	-	163.736.416
Lê Sơn Tùng	Phó Giám đốc	-	-

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/6/2012	01/01/2012
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH TM Gò Đăng	Công ty con	6.874.792.331	4.999.488.208
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	Công ty con	12.327.198.537	11.174.594.822
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	11.874.764.870	29.665.332.038
Ông Lê Phước Giáo	Thành viên HĐQT	3.530.000.000	-
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	-	9.664.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VND

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

Các khoản phải trả

Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Vĩnh Long	Công ty con	8.016.373.253	7.880.328.440
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản An Phát	Công ty con	32.262.521.844	48.176.631.571
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Công ty con	247.643.826	250.883.826
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc	8.487.267.790	3.104.904.000
Lê Sơn Tùng	Phó Giám đốc	-	261.902.000

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

Tại ngày 30/6/2012

	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	195.279,91	2.791,05	4.067.289.965	71.425.876
Phải thu khách hàng	3.637.810,19	-	75.544.333.099	-
Tổng cộng	3.833.090,10	2.791,05	79.611.623.064	71.425.876
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ ngắn hạn	15.323.891,00	36.401,00	319.166.001.748	949.483.684
Tổng cộng	15.323.891,00	36.401,00	319.166.001.748	949.483.684
Mức độ rủi ro tiền tệ	(11.490.800,90)	(33.609,95)	(239.554.378.684)	(878.057.808)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (11.977.718.934) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (43.902.890) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VND

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 202.907.458.236 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	1.675.992.469	1.675.992.469
Trừ dự phòng giảm giá trị	(1.675.992.469)	(1.675.992.469)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	-	-
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(1.675.992.469)	(1.675.992.469)
Tăng (do trích lập dự phòng)	-	-
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối kỳ	(1.675.992.469)	(1.675.992.469)

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn hạn	335.363.451.973	-	-	335.363.451.973
Phải trả người bán	78.690.046.840	-	-	78.690.046.840
Người mua trả trước	1.377.580.801	-	-	1.377.580.801
Thuế và các khoản phải nộp	3.709.233.333	-	-	3.709.233.333
Phải trả người lao động	3.413.145.237	-	-	3.413.145.237
Chi phí phải trả	2.551.293.103	-	-	2.551.293.103
Các khoản phải trả khác	4.020.206.993	-	-	4.020.206.993
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.882.582.586	-	-	1.882.582.586
Các khoản phải trả dài hạn	-	-	-	-
Cộng	431.007.540.866	-	-	431.007.540.866

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VND

Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn hạn	328.622.484.864	-	-	328.622.484.864
Phải trả người bán	83.975.249.502	-	-	83.975.249.502
Người mua trả trước	1.301.320.479	-	-	1.301.320.479
Thuế và các khoản phải nộp	1.531.326.319	-	-	1.531.326.319
Phải trả người lao động	2.720.279.206	-	-	2.720.279.206
Chi phí phải trả	2.265.659.236	-	-	2.265.659.236
Các khoản phải trả khác	7.796.232.278	-	-	7.796.232.278
Quỹ khen thưởng phúc lợi	173.680.530	-	-	173.680.530
Các khoản phải trả dài hạn	-	-	-	-
Cộng	428.386.232.414	-	-	428.386.232.414

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 11 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2012	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Đơn vị tính: ngàn đồng Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi tiết kiệm	-	-	-	-	-
Đầu tư chứng khoán	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-
Các đầu tư dài hạn khác					
Tiền gửi tiết kiệm	-	-	-	-	-
Cho vay	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty con	124.252.151	-	-	124.252.151	-
Tổng cộng	124.252.151	-	-	124.252.151	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con dựa trên báo cáo tài chính của các Công ty con tại ngày 30/6/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐVT: VNĐ

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 7 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CH
★
H